TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/4/2023
V/v:"*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Xuân Mai
Ông Lê Văn Chuyển
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ N - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 887/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "***Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

* NgU đơn: Bà Võ Thị Thu N - sinh năm 2000
Địa chỉ: Thôn T, xã Ninh TR, thị xã N, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn 1 xã N, thị xã N, tỉnh K.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/12/2022, bản tự khai ngày 20/12/2022, biên bản hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngU đơn bà Võ Thị Thu N trình bày: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thượng, thị xã N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung, ông T thường xU chửi bới, xúc phạm bà N và gia đình bà N, ngoài ra, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay xét tình cảm không còn nên bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 16/9/2019. Hiện nay cháu U đang sống cùng với bà N nên bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu U.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Tuân: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa ngU đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của ngU đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ngU đơn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 16/9/2019 cho bà Võ Thị Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 24/3/2023 ông T đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 14/4/2023 ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết*:* NgU đơn bà Võ Thị Thu N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại thôn 1, xã Ninh Thượng, thị xã N về việc "Ly hôn" là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu N và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Ninh Thượng, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51/2018 ngày 04/10/2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N thì quá trình chung sống, vợ chồng bà N và ông T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ ngU yêu cầu được ly hôn với ông T vì không còn tình nghĩa vợ chồng, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà N nhưng đến thời điểm này ông T vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà

N. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà N là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Thu N và ông Nguyễn Văn T

[4] Về con chung: Bà Võ Thị Thu N và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 16/9/2019. Bà Võ Thị Thu N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu U đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu U, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Tú U cho bà Võ Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Thu N không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Võ Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. TU xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Võ Thị Thu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 16/9/2019 đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Võ Thị Thu N và ông Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thu N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005514 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: NgU đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy